

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày 14/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân N, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ H, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1968; địa chỉ: D, đường B, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn ông Trần Xuân N trình bày:

Vào ngày 09/8/2022, ông Trần Xuân N cho bà Nguyễn Thị Kim K vay số tiền 558.000.000đ, lúc đầu bà K nói là vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng không ghi trong giấy mượn tiền, giấy mượn tiền là do ông N viết, bà K có ký tên ghi họ tên vào, ông N chỉ cho một mình bà K vay tiền, ông N giao tiền cho bà K. Khi vay bà K không thể chấp gì cho ông N, đến hạn bà K không trả tiền gốc cho ông N, cũng không đóng tiền lãi, ông N liên lạc cho bà K nhiều lần nhưng bà K không có thiện chí trả nợ. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà K trả cho ông N số tiền 558.000.000đ, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/8/2022.

- Theo bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K trình bày: Lúc đầu bà K vay của ông Trần Xuân N số tiền 400.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng. Sau đó thì hai bên chốt

nợ và làm giấy vay tiền thì bà **K** còn nợ của ông **N** số tiền là 558.000.000đ. Giấy vay tiền ngày 09/8/2022 là do ông **N** viết, bà **K** có ký tên, ghi họ tên vào phía bên dưới người mượn tiền. Nay ông **N** yêu cầu Tòa án buộc bà **K** trả cho ông **N** số tiền 558.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/8/2022, bà **K** xác nhận còn nợ của ông **N** số tiền 558.000.000đ và đồng ý trả nhưng do bà **K** chưa bán được nhà đất nên chưa có điều kiện trả cho ông **N**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà **K** thừa nhận có vay số tiền 558.000.000đ của ông **Trần Xuân N**, bà đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **K** thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy mượn tiền ngày 09/8/2022 nên đây là tính tiết không phải chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 558.000.000đ và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 09/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** cư trú tại **khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương** và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Vào ngày 09/8/2022 bà **K** vay tiền của ông **N**, thời hạn vay là 01 tháng. Ngày 13/10/2023, ông **N** khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn ông **Trần Xuân N** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 09/8/2022, ông **Trần Xuân N** cho bà **Nguyễn Thị Kim K** vay số tiền 558.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, lãi suất không được ghi nhận trong giấy mượn tiền chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau, giấy mượn tiền là do ông **N** viết, bà **K** có ký tên, ghi họ tên vào, ông **N** chỉ cho một mình bà **K** vay tiền, ông **N** giao tiền cho bà **K**. Khi vay bà **K** không thể chấp gì cho ông **N**, đến hạn bà **K** không trả tiền gốc cho ông **N**, cũng không đóng tiền lãi. Nay ông **N** yêu cầu Tòa án buộc bà **K** trả cho ông **N** số tiền 558.000.000đ, yêu cầu

tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay 09/8/2022.

Đối với số tiền gốc Hội đồng xét xử xét thấy: Bà **K** thừa nhận có vay số tiền 558.000.000đ của ông **N** và chưa thanh toán số tiền này cho ông **N**. Bà **K** thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy mượn tiền nên đây là tính tiết không phải chứng minh. Bà **K** thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán cho ông **N** nhưng do hiện nay bà chưa bán được nhà, đất nên chưa có điều kiện trả cho ông **N**. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lãi suất: Theo Giấy mượn tiền ngày 09/8/2022 hai bên không ghi lãi suất, nhưng ông **N** và bà **K** trình bày lãi suất là 3%/tháng, bà **K** chưa đóng lãi cho ông **N**. Ông **N** khởi kiện yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tính lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 09/8/2022 đến ngày 14/6/2024 là: 103.850.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bà **Nguyễn Thị Kim K** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Trần Xuân N** là 661.850.000đ.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Xuân N** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Nguyễn Thị Kim K** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Trần Xuân N** số tiền là 661.850.000đ (Sáu trăm sáu mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó có 558.000.000đ (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) tiền gốc và 103.850.000đ (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** phải chịu 30.474.000đ (Ba mươi triệu bốn trăm

bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông **Trần Xuân N** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa